TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 3 năm 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Tân
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐST-HN, ngày 09 tháng 02 năm 2023 và thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 148/TB-TA, ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kiều N, sinh năm 1976.

Địa chỉ, tổ 1, khóm BL 4, phường MB, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: khóm TK 3, phường MH, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị Kiều N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Hoàng M tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MH, thành phố Long Xuyên vào ngày 08/11/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hòa hợp, không tin tưởng nhau về kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên không còn sống chung từ tháng 10 năm 2019 đến nay.

Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Trần Thị Kiều N yêu cầu ly hôn ông Lê Hoàng M.

Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung tên Lê Trần Gia Y, sinh ngày 19/11/2011 do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Hoàng M mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kiều N. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai hôm nay ông Lê Hoàng M tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt đúng quy định tại Điều 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Kiều N đối với ông Lê Hoàng M.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà N được nuôi dưỡng con chung. Bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Hoàng M. Ông M cư ngụ tại phường MH, thành phố Long Xuyên nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị Kiều N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Kiều N.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông M vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Hoàng M.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông M và bà N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MH vào năm 2010, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà N trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không tin tưởng nhau về kinh tế gia đình, thường xuyên cự cãi.

Do mâu thuẫn trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà N yêu cầu ly hôn ông M.

[2.2]. Về con chung: Ông M và bà N có 01 (một) con chung tên Lê Trần Gia Y, sinh ngày 19/11/2011. Bà N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

[3]. Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường MH, thành phố Long Xuyên ngày 26/10/2022 thể hiện: Đương sự Lê Hoàng M, sinh năm 1975 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm TK 3, phường MH, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hoàng M vắng mặt. Do ông M vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án ban hành thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông M biết nhưng ông M vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu gì nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông M tiếp tục vắng mặt không có lý do.

[5]. Qua lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy:

[5.1]. Về hôn nhân, bà N cho rằng ông bà không tin tưởng nhau trong quản lý, sử dụng các khoản thu nhập, chi tiêu trong gia đình, tính tình không phù hợp, bất đồng

quan điểm sống, thời gian sống ly thân cả hai không có biện pháp hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà N vẫn kiên quyết ly hôn ông M. Ông M vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà N, không cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai, ông M tiếp tục vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết, Tòa án động viên bà N vì con tạo cơ hội vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tin tưởng nhau và cùng chia sẻ khó khăn, vất vả trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp hôn nhân, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, thời gian sống ly thân cả hai không quan tâm nhau, không có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn ông M như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[5.2]. Về con chung, ông M và bà N có 01 (một) con chung tên Lê Trần Gia Y, sinh ngày 19/11/2011. Bà N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thời gian ông bà sống ly thân, con chung Lê Trần Gia Y do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Y cũng có nguyện vọng được sống với bà N nếu cha mẹ ly hôn. Xét điều kiện của bà N trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và nguyện vọng của cháu Y, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Y, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông M cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Bà N phải tạo điều kiện cho ông M được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Bà N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông M không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết, có tranh chấp sẽ khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[6]. Về án phí: Bà Trần Thị Kiều N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kiều N được ly hôn ông Lê Hoàng M.

2. Về con chung: Ông Lê Hoàng M và bà Trần Thị Kiều N có 01 (một) con chung, tên Lê Trần Gia Y, sinh ngày 19/11/2011.

Bà Trần Thị Kiều N được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Trần Gia Y, sau khi ly hôn.

Ông Lê Hoàng M không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà N không yêu cầu.

Bà N phải tạo điều kiện cho ông M được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Bà N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Kiều N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000947, ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Trần Thị Kiều N và ông Lê Hoàng M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa